

Số: 14 /NQ-HĐND

Cần Giuộc, ngày 04 tháng 9 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân xã Cần Giuộc

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ CÀN GIUỘC
Khóa I, NHIỆM KỲ 2021-2026

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân;

Xét Tờ trình số 18/TTr-TTHĐND ngày 21/7/2025 của Thường trực HĐND xã Cần Giuộc về việc đề nghị ban hành nghị quyết về quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.


QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Nghị quyết kèm theo Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân xã Cần Giuộc, khóa I nhiệm kỳ 2021- 2026.

Điều 2. Hội đồng nhân dân xã chịu trách nhiệm thi hành nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Cần Giuộc khóa I, kỳ họp thứ 02 thông qua ngày 04 tháng 9 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân xã thống nhất thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh (b/c);
- Ông Phạm Văn Bốn, TUV, Bí thư đảng ủy xã (b/c);
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ban Thường trực UBMTTQVN xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Lưu: VT. 



CHỦ TỊCH

Võ Quốc Thanh

Handwritten text, possibly a date or reference number, located in the top right corner.





HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ CẦN GIUỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Giuộc, ngày 04 tháng 9 năm 2025

QUY CHẾ LÀM VIỆC

Của Hội đồng nhân dân xã Cần Giuộc

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 14 /NQ-HĐND ngày 04/9/2025
của Hội đồng nhân dân xã Cần Giuộc)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định nội dung cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn, phương thức hoạt động, mối quan hệ công tác, điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã khóa I nhiệm kỳ 2021-2026.

2. Các nội dung không quy định trong Quy chế này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân xã khóa I nhiệm kỳ 2021-2026 và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II

ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 3. Vị trí, vai trò của đại biểu Hội đồng nhân dân

Đại biểu Hội đồng nhân dân là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân trong xã; chịu trách nhiệm trước cử tri địa phương và trước Hội đồng nhân dân xã về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu của mình. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Tham dự đầy đủ các kỳ họp, phiên họp Hội đồng nhân dân, tham gia thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân. Tích cực chất vấn, tranh luận, truy vấn đối với các vấn đề bức xúc của cử tri; việc chất vấn, truy vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân xã thực hiện theo quy định của Quy chế này. Đại biểu Hội đồng nhân dân không tham dự kỳ họp,

phiên họp thì phải có lý do và phải báo cáo trước với Chủ tọa kỳ họp, phiên họp. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân xã không tham dự kỳ họp liên tục trong 01 năm mà không có lý do chính đáng thì Thường trực Hội đồng nhân dân báo cáo với Hội đồng nhân dân để bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân đó.

Khi nhận được quyết định triệu tập kỳ họp, dự kiến chương trình và tài liệu kỳ họp, đại biểu Hội đồng nhân dân phải nghiên cứu tài liệu, tiếp xúc cử tri, tham gia các hoạt động của Tổ đại biểu chuẩn bị cho kỳ họp Hội đồng nhân dân; thực hiện quy định về sử dụng, bảo quản tài liệu trong kỳ họp; không được tiết lộ nội dung tài liệu mật, nội dung các phiên họp kín của Hội đồng nhân dân.

2. Liên hệ chặt chẽ với cử tri ở đơn vị bầu cử ra mình, chịu sự giám sát của cử tri, có trách nhiệm thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của cử tri; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cử tri; thực hiện chế độ tiếp xúc cử tri theo quy định.

Sau mỗi kỳ họp Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm báo cáo với cử tri về kết quả của kỳ họp, phổ biến, tuyên truyền và giải thích các nghị quyết của Hội đồng nhân dân, vận động và cùng với Nhân dân thực hiện các nghị quyết đó.

3. Thường xuyên sâu sát cơ sở, chủ động gặp gỡ cử tri bằng nhiều hình thức gián tiếp, trực tiếp, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân; tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước; phát hiện kịp thời những sai phạm trong công tác quản lý kinh tế - xã hội, có kiến nghị biện pháp khắc phục.

4. Tiếp công dân theo quy chế tiếp công dân và phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân nhằm thu thập ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của công dân; hướng dẫn, giúp công dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo.

5. Tham gia các hoạt động giám sát, khảo sát của Thường trực Hội đồng nhân dân khi được mời.

6. Cập nhật, nghiên cứu chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và từ thực tiễn cuộc sống, chủ động đề xuất Hội đồng nhân dân xây dựng các giải pháp thuộc thẩm quyền để phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

8. Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động không chuyên trách phải dành ít nhất một phần ba thời gian làm việc trong một năm để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân.

9. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc tạo điều kiện cho đại biểu Hội đồng nhân dân xã hoạt động

1. Ủy ban nhân dân xã và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để đại biểu Hội đồng nhân dân xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã tạo điều kiện để đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân với Hội đồng nhân dân

Chương III

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 6. Vị trí, vai trò của Hội đồng nhân dân

1. Hội đồng nhân dân xã gồm các đại biểu Hội đồng nhân dân do cử tri trong xã bầu ra, là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

2. Hội đồng nhân dân hoạt động theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân

1. Hội đồng nhân dân thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 33 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Hội đồng nhân dân thực hiện hoạt động giám sát theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

3. Hội đồng nhân dân xã tiếp công dân, tiếp nhận khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân theo quy định tại Luật Tiếp công dân, Nghị quyết số 759/2014/UBTVQH13 ngày 15/5/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết về hoạt động tiếp công dân của các cơ quan của Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp và các quy định pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Điều 8. Kỳ họp Hội đồng nhân dân

1. Hội đồng nhân dân họp thường lệ ít nhất mỗi năm hai kỳ. Ngoài ra, căn cứ vào văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, Hội đồng nhân dân tổ chức kỳ họp chuyên đề hoặc họp giải quyết các công việc phát sinh đột xuất để xem xét, quyết định các vấn đề có tính cấp bách, phát sinh giữa hai kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân.

Hội đồng nhân dân quyết định kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ trong năm theo quy định tại Khoản 2, Điều 34 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Trong kế hoạch dự kiến thời gian tổ chức, nội dung của từng kỳ họp và các vấn đề khác có liên quan (nếu có).

2. Hội đồng nhân dân họp công khai. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng nhân dân họp kín theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân hoặc yêu cầu của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

3. Chương trình kỳ họp, việc triệu tập và chủ tọa, điều hành các hoạt động tại kỳ họp Hội đồng nhân dân thực hiện theo quy định tại Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 44 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

4. Hội đồng nhân dân thực hiện việc bầu các chức danh của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đối với những người giữ chức do Hội đồng nhân dân xã bầu; tạm đình chỉ, thôi làm nhiệm vụ đại biểu, bãi nhiệm và mất quyền đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định tại Điều 36, Điều 37, Điều 38 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân, Phó Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân và thành viên Ủy ban nhân dân bằng hình thức biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín do Hội đồng nhân dân quyết định. Trường hợp thực hiện việc miễn nhiệm, bãi nhiệm bằng hình thức bỏ phiếu kín thì thành lập Ban kiểm phiếu.

5. Đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tham dự đầy đủ các kỳ họp, phiên họp theo quy định tại Điều 33 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

6. Đại biểu Hội đồng nhân dân được quyền tham gia ý kiến thảo luận tại kỳ họp, mỗi lần phát biểu không quá 5 phút. Trong trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân đã đăng ký nhưng chưa được phát biểu hoặc đã phát biểu nhưng chưa hết ý kiến mà thời gian phát biểu đã hết thì ghi ý kiến của mình và chuyển về Chủ tọa kỳ họp thông qua Thư ký kỳ họp.

7. Những ý kiến chất vấn, trả lời chất vấn và phát biểu thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân phải được ghi đầy đủ vào biên bản kỳ họp.

Điều 9. Thư ký kỳ họp Hội đồng nhân dân

1. Công tác thư ký kỳ họp do Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện.

2. Công tác thư ký kỳ họp bao gồm các nội dung cụ thể như sau:

a) Lập danh sách đại biểu Hội đồng nhân dân có mặt, vắng mặt trong các phiên họp và trong kỳ họp;

b) Ghi biên bản phiên họp, kỳ họp;

c) Tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính xác ý kiến của đại biểu tại phiên họp toàn thể và tại cuộc họp Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân;

d) Giúp Chủ tọa kỳ họp trong việc thực hiện quy trình, thủ tục tại kỳ họp, cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền về kỳ họp;

e) Thực hiện nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp.

Điều 10. Thảo luận tổ tại kỳ họp Hội đồng nhân dân

1. Chủ tọa kỳ họp quyết định thảo luận tại tổ về các nội dung trình kỳ họp. Thành phần bao gồm đại biểu Hội đồng nhân dân và các khách mời theo phân công của Chủ tọa kỳ họp.

2. Tổ trưởng và Thư ký tổ thảo luận do Chủ tọa kỳ họp quyết định trong số đại biểu Hội đồng nhân dân của tổ.

3. Tổ trưởng điều hành thảo luận, mỗi đại biểu có thể phát biểu nhiều lần nhưng không quá 5 phút; khách mời tham dự phát biểu ý kiến góp ý về các nội dung trình kỳ họp, đồng thời phát biểu ý kiến về vấn đề thuộc ngành, lĩnh vực mà mình phụ trách nếu được tổ trưởng đồng ý và yêu cầu.

4. Sau phiên thảo luận, Tổ trưởng tổng hợp ý kiến thảo luận và báo cáo với Chủ tọa kỳ họp nội dung ý kiến thảo luận, ý kiến chất vấn trong phiên thảo luận tổ.

Điều 11. Tài liệu phục vụ kỳ họp

1. Tài liệu phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân xã do người đứng đầu cơ quan, đơn vị trình ký, trường hợp khuyết người đứng đầu thì sẽ do cấp phó ký và được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân xã (qua văn phòng HĐND và UBND xã) để gửi đến đại biểu theo thời gian quy định. Tài liệu chính thức được lưu hành bằng hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử (trừ trường hợp bí mật của nhà nước).

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã có thể cung cấp thông tin, tài liệu khác liên quan đến nội dung kỳ họp Hội đồng nhân dân khi đại biểu Hội đồng nhân dân yêu cầu.

3. Văn phòng HĐND và UBND có trách nhiệm đăng tải trên trang thông tin điện tử của xã theo quyết định của Thường trực HĐND xã.

Điều 12. Chuẩn bị kỳ họp Hội đồng nhân dân

1. Thường trực Hội đồng nhân dân phối hợp với Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã thống nhất nội dung trình kỳ họp Hội đồng nhân dân xã chậm nhất là 45 - 50 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

2. Các Ban của Hội đồng nhân dân tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp liên quan đến lĩnh vực phụ trách theo sự phân công, điều hòa của Thường trực Hội đồng nhân dân.

3. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đảm bảo công tác tham mưu về nội dung và các điều kiện phục vụ kỳ họp.

4. Chậm nhất 08 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân xã họp rà soát công tác chuẩn bị kỳ họp và xem xét, cho ý kiến vào các nội dung trình kỳ họp.

Điều 13. Xây dựng và ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân

1. Xây dựng Nghị quyết của hội đồng nhân dân.

a) Thường trực Hội đồng nhân dân phân công các Ban Hội đồng nhân dân và Văn phòng HĐND và UBND; Ủy ban nhân dân xã phân công cơ quan chuyên môn chuẩn bị hồ sơ, dự thảo Nghị quyết theo lĩnh vực phụ trách chậm nhất 45 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân. Trong trường hợp

có yêu cầu phản biện thì phải gửi đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã để thực hiện phản biện.

b) Ủy ban nhân dân hoàn thành hồ sơ, dự thảo nghị quyết và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân chậm nhất 12 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân để thẩm tra.

2. Thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân

a) Các Ban của Hội đồng nhân dân có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án theo lĩnh vực phụ trách và theo sự phân công, điều hòa của Thường trực Hội đồng nhân dân.

b) Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tổ chức họp thẩm tra hồ sơ dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình kỳ họp Hội đồng nhân dân.

3. Hồ sơ, dự thảo nghị quyết phải được gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân chậm nhất là 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân.

5. Các Ban Hội đồng nhân dân không tiến hành thẩm tra các hồ sơ dự thảo nghị quyết khi chưa đủ các tài liệu trong hồ sơ hoặc gửi không đúng thời hạn theo quy định.

Điều 14. Hoạt động sau kỳ họp Hội đồng nhân dân

1. Hoàn chỉnh, ký chứng thực nghị quyết

Văn phòng HĐND và UBND xã phối hợp với các cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản và các Ban Hội đồng nhân dân được phân công thẩm tra hoàn chỉnh các nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân thông qua, trình Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Chủ tọa kỳ họp ký chứng thực trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ họp.

2. Văn phòng HĐND và UBND xã hoàn tất biên bản kỳ họp, báo cáo kết quả kỳ họp trình Thường trực Hội đồng nhân dân ký, ban hành chậm nhất 05 ngày từ ngày bế mạc kỳ họp.

3. Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp, các nghị quyết, đề án, báo cáo, biên bản của kỳ họp Hội đồng nhân dân phải được Thường trực Hội đồng nhân dân xã gửi lên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

4. Chậm nhất 20 ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân phối hợp tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp xúc cử tri, báo cáo kết quả kỳ họp, tiếp thu ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền; đồng thời, phổ biến và giải thích các nghị quyết của Hội đồng nhân dân, vận động Nhân dân thực hiện các nghị quyết đó.

5. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phải được gửi đến các cơ quan, tổ chức hữu quan để thực hiện, đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên Trang thông tin điện tử của xã, niêm yết và lưu trữ theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân

1. Hội đồng nhân dân xã thực hiện quyền giám sát của mình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân và trên cơ sở hoạt động giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Việc quyết định chương trình giám sát và tổ chức thực hiện chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng nhân dân được thực hiện như sau:

a) Thường trực Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng nhân dân tại kỳ họp giữa năm của năm trước.

b) Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân được thực hiện bằng các phương thức sau:

- Thường trực Hội đồng nhân dân ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện;
- Hội đồng nhân dân thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân;

c) Thường trực Hội đồng nhân dân, Đoàn giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng nhân dân tại kỳ họp giữa năm sau.

3. Hội đồng nhân dân giám sát qua hoạt động xem xét báo cáo công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các báo cáo khác theo quy định tại Điều 59 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

4. Hội đồng nhân dân giám sát qua hoạt động xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân xã có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân. Trình tự xem xét thực hiện theo quy định tại Điều 61 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

5. Hội đồng nhân dân giám sát qua hoạt động chất vấn và xem xét việc trả lời chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân.

a) Trước phiên họp chất vấn, đại biểu Hội đồng nhân dân ghi vấn đề chất vấn, người được chất vấn vào phiếu chất vấn và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân.

b) Căn cứ vào chương trình kỳ họp, ý kiến, kiến nghị của cử tri, vấn đề xã hội quan tâm và phiếu chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân đề nghị Hội đồng nhân dân quyết định nhóm vấn đề chất vấn và người được chất vấn.

c) Nội dung chất vấn và trả lời chất vấn phải ngắn gọn, đúng trọng tâm. Đại biểu Hội đồng nhân dân nêu ý kiến chất vấn có thể cung cấp thông tin minh họa bằng hình ảnh, video, vật chứng cụ thể.

d) Người có trách nhiệm trả lời chất vấn phải trả lời trực tiếp, đầy đủ vào vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân đã chất vấn, không được ủy quyền cho người khác trả lời thay; xác định rõ trách nhiệm, biện pháp và thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập (nếu có).

e) Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì có quyền chất vấn lại để người được chất vấn trả lời;

f) Thủ trưởng các cơ quan liên quan có thể được mời tham dự phiên họp và trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân về vấn đề thuộc trách nhiệm của mình.

g) Thời gian nêu ý kiến chất vấn của mỗi đại biểu Hội đồng nhân dân không quá 03 phút; thời gian trả lời chất vấn của người được chất vấn không quá 05 phút cho mỗi nội dung được chất vấn.

h) Trường hợp được Hội đồng nhân dân xã cho trả lời chất vấn bằng văn bản, người trả lời chất vấn phải gửi văn bản trả lời chất vấn đến đại biểu Hội đồng nhân dân đã chất vấn và Thường trực Hội đồng nhân dân trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày chất vấn.

i) Chậm nhất 05 ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp, người đã trả lời chất vấn trực tiếp tại kỳ họp phải gửi văn bản trả lời chất vấn đến Thường trực Hội đồng nhân dân để gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân phục vụ tiếp xúc cử tri sau kỳ họp và theo dõi, giám sát việc thực hiện lời hứa sau chất vấn.

j) Chậm nhất 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, người đã trả lời chất vấn (kể cả trực tiếp tại kỳ họp lẫn trả lời bằng văn bản) có trách nhiệm gửi báo cáo về việc thực hiện những nội dung trả lời chất vấn, các vấn đề đã hứa tại kỳ họp trước đến Thường trực Hội đồng nhân dân để chuyển đến các đại biểu Hội đồng nhân dân theo dõi và thực hiện quyền giám sát theo quy định.

6. Hội đồng nhân dân thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân xã khi xét thấy cần thiết và xem xét kết quả giám sát của Đoàn giám sát. Trình tự tổ chức hoạt động giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân xã thực hiện theo quy định tại Điều 62 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

7. Hội đồng nhân dân giám sát qua hoạt động tổ chức lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân xã bầu theo quy định tại Điều 37 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 63, 64 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

8. Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân xã trong việc xem xét kết quả giám sát.

a) Đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã;

b) Ra nghị quyết hoặc kết luận về chất vấn;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và các Ủy viên Ủy ban nhân dân xã; Bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân và chấp thuận việc đại biểu Hội đồng nhân dân thôi làm nhiệm vụ đại biểu theo quy định của pháp luật.

Chương IV

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 16. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nguyên tắc làm việc của Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Thường trực Hội đồng nhân dân thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 31 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các quy định khác của pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Đồng thời phát huy trách nhiệm của người đứng đầu và cá nhân các thành viên trong tập thể Thường trực Hội đồng nhân dân đối với công việc theo lĩnh vực được phân công phụ trách.

Điều 17. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Thường trực HĐND xã họp thường kỳ mỗi tháng một lần (vào tuần thứ tư của tháng. Khi xét thấy cần thiết, Thường trực HĐND có thể họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch HĐND xã. Phiên họp Thường trực HĐND xã phải có đủ 2/3 thành viên và mời mở rộng 02 Phó Trưởng ban HĐND chuyên trách.

2. Giữa hai phiên họp thường kỳ của Thường trực Hội đồng nhân dân, nếu phát sinh vấn đề cấp bách, quan trọng cần phải có ý kiến thống nhất của tập thể Thường trực Hội đồng nhân dân thì Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định tổ chức phiên họp đột xuất. Những vấn đề khác, Thường trực Hội đồng nhân dân xin ý kiến của các thành viên bằng văn bản.

3. Chủ tịch Hội đồng nhân dân quyết định thời gian, chương trình, chỉ đạo việc chuẩn bị và chủ tọa phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân. Nếu Chủ tịch Hội đồng nhân dân vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân được Chủ tịch Hội đồng nhân dân ủy quyền chủ tọa phiên họp.

4. Thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tham gia đầy đủ các phiên họp, trường hợp vắng mặt phải báo cáo và được Chủ tọa phiên họp xem xét, quyết định.

5. Đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã được mời tham dự phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân. Đại diện người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân, các

cơ quan, tổ chức hữu quan có thể được mời tham dự phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân khi bàn về vấn đề có liên quan.

6. Việc chuẩn bị, thẩm tra, trình, thảo luận và quyết định các nội dung tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân

a) Ủy ban nhân dân, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân và các cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm chuẩn bị các dự án, đề án, báo cáo thuộc nội dung chương trình phiên họp theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân hoặc theo nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

Trường hợp theo nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định, các cơ quan có nội dung cần trình phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định thì gửi tờ trình, hồ sơ, văn bản liên quan về Thường trực Hội đồng nhân dân trước ngày 03 hằng tháng. Những nội dung gửi sau ngày 03 hằng tháng, Thường trực Hội đồng nhân dân sẽ xem xét, quyết định tại phiên họp tháng sau (trừ những vấn đề phát sinh cấp bách).

b) Thường trực Hội đồng nhân dân phân công các Ban của Hội đồng nhân dân thẩm tra các nội dung trình phiên họp theo lĩnh vực phụ trách.

c) Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định các nội dung trình tại phiên họp Thường trực theo trình tự:

- Ủy ban nhân dân, các cơ quan báo cáo nội dung trình phiên họp;
- Các Ban của Hội đồng nhân dân báo cáo kết quả thẩm tra;
- Thường trực Hội đồng nhân dân thảo luận, chất vấn;
- Các cơ quan có trách nhiệm giải trình;
- Thường trực Hội đồng nhân dân biểu quyết.

d) Sau phiên họp, Thường trực Hội đồng nhân dân ban hành thông báo kết luận phiên họp gửi đến các cơ quan, đơn vị liên quan để triển khai thực hiện.

Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân

Thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 32 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và theo quyết định phân công nhiệm vụ của Thường trực Hội đồng nhân dân.

Điều 19. Hoạt động giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Thường trực Hội đồng nhân dân giám sát thông qua các hoạt động theo quy định tại Điều 66 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, gồm: xem xét các quyết định của Ủy ban nhân dân xã có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã; chất vấn và xem xét việc trả lời chất vấn trong thời gian giữa hai kỳ họp của Hội đồng nhân dân; tổ chức hoạt động giải trình tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân; giám sát chuyên đề;

giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri.

2. Việc quyết định chương trình giám sát hằng năm của Thường trực Hội đồng nhân dân xã và trình tự, thủ tục giám sát thực hiện theo quy định tại các điều từ Điều 67 đến Điều 74 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

Điều 20. Hoạt động khảo sát của Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Thường trực Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ khảo sát để nắm bắt thông tin, nội dung liên quan của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn nhằm phục vụ cho các hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân.

2. Việc khảo sát có thể thành lập hoặc không thành lập Đoàn khảo sát nhưng phải thông báo nội dung, thành phần, thời gian khảo sát đến các đối tượng được khảo sát và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan biết để thực hiện.

Điều 21. Trách nhiệm của Thường trực Hội đồng nhân dân trong việc chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát

1. Xem xét, cho ý kiến về chương trình, nội dung giám sát của các Ban Hội đồng nhân dân.

2. Yêu cầu các Ban của Hội đồng nhân dân điều chỉnh kế hoạch giám sát, bảo đảm hoạt động giám sát không bị trùng lặp.

3. Phân công các Ban của Hội đồng nhân dân thực hiện một số nội dung thuộc chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân.

Điều 22. Tiếp công dân của Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Thường trực Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp công dân; xây dựng các quy định, thủ tục về tiếp công dân bảo đảm đúng pháp luật và phù hợp với tình hình của địa phương; sắp xếp lịch tiếp công dân của đại biểu Hội đồng nhân dân; tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp công dân tại nơi tiếp công dân ở địa phương mà đại biểu ứng cử.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xây dựng lịch tiếp công dân mỗi tháng 02 ngày vào ngày 15 và ngày 30 hàng tháng (nếu vào ngày nghỉ, ngày lễ thì sẽ dời lại ngày làm việc tiếp theo). Trong đó, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã trực tiếp tiếp công dân mỗi tháng 01 ngày.

Chương V

CÁC BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 23. Vị trí, chức năng; nhiệm vụ, quyền hạn và nguyên tắc làm việc của các Ban của Hội đồng nhân dân

1. Ban của Hội đồng nhân dân là cơ quan của Hội đồng nhân dân xã, có chức năng thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trước khi trình Hội đồng

nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân; giám sát, khảo sát, kiến nghị về những vấn đề thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân, trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp thì báo cáo trước Thường trực Hội đồng nhân dân.

2. Ban của Hội đồng nhân dân có các nhiệm vụ, quyền hạn theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các văn bản pháp luật khác liên quan.

3. Các thành viên của Ban Hội đồng nhân dân chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban trước Hội đồng nhân dân và chịu trách nhiệm cá nhân trước Ban của Hội đồng nhân dân về nhiệm vụ, quyền hạn được Ban phân công.

4. Căn cứ vào chương trình hoạt động của Hội đồng nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân xây dựng chương trình công tác của mình.

5. Mỗi quý một lần, các Ban họp để đánh giá việc thực hiện chương trình công tác và báo cáo kết quả hoạt động của Ban. Hàng tháng, Trưởng ban, Phó ban hội ý công tác và báo cáo kết quả hoạt động của Ban với Thường trực Hội đồng nhân dân.

Điều 24. Trách nhiệm của thành viên các Ban Hội đồng nhân dân

1. Thành viên các Ban Hội đồng nhân dân có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo thông báo phân công nhiệm vụ cụ thể của từng Ban.

2. Đối với các Trưởng ban, ngoài việc thực hiện các trách nhiệm theo thông báo phân công nhiệm vụ của Ban, còn phải thực hiện các nhiệm vụ của thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân theo quy định tại Chương IV Quy chế này.

Điều 25. Hoạt động giám sát, khảo sát của các Ban Hội đồng nhân dân

1. Các Ban của Hội đồng nhân dân giám sát thông qua các hoạt động theo quy định tại Điều 76 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, gồm: thẩm tra các báo cáo do Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân phân công; giám sát quyết định của Ủy ban nhân dân, giám sát chuyên đề; giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.

2. Việc quyết định chương trình giám sát hằng năm của các Ban Hội đồng nhân dân và trình tự, thủ tục giám sát thực hiện theo quy định tại các điều từ Điều 77 đến Điều 82 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

3. Hoạt động khảo sát của các Ban Hội đồng nhân dân thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

Chương VI

TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 26. Nhiệm vụ của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Tổ chức giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã trên địa bàn

hoặc về các vấn đề do Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân phân công. Việc tổ chức hoạt động khảo sát thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

2. Phối hợp tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến, kiến nghị của cử tri trước và sau kỳ họp Hội đồng nhân dân.

3. Đôn đốc, theo dõi đại biểu Hội đồng nhân dân xã tiếp công dân.

4. Trước 05 ngày kể từ ngày khai mạc kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu sinh hoạt để nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị đóng góp ý kiến tại kỳ họp, đồng thời đánh giá tình hình hoạt động của Tổ và bàn kế hoạch công tác của Tổ trong thời gian tới.

Điều 27. Trách nhiệm Tổ trưởng, Tổ phó và các thành viên

1. Tổ trưởng điều hành công việc của Tổ đại biểu, bao gồm:

a) Chủ trì các cuộc họp Tổ, tổng hợp ý kiến thảo luận của đại biểu và các thành viên dự họp để phản ánh với Thường trực Hội đồng nhân dân.

b) Phối hợp với Ban công tác mặt trận, chi bộ, ban chấp hành tổ chức các cuộc tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân theo sự phân công.

c) Tổ chức và phân công các thành viên trong Tổ thực hiện một số nội dung giám sát về tình hình thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã trên địa bàn ứng cử. Báo cáo kết quả giám sát về Thường trực Hội đồng nhân dân; có văn bản kiến nghị, đề xuất đối với các cơ quan, đơn vị liên quan.

2. Tổ phó giúp Tổ trưởng điều hành hoạt động của Tổ đại biểu theo sự phân công của Tổ trưởng.

3. Các đại biểu trong Tổ đại biểu có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp do Tổ trưởng triệu tập, chấp hành sự phân công của Tổ trong việc tiếp xúc cử tri, báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri; tham gia đầy đủ các hoạt động giám sát, khảo sát của Tổ đại biểu, các Ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân khi được phân công hoặc mời tham gia.

Chương VII

QUAN HỆ PHỐI HỢP CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 28. Quan hệ công tác với các cơ quan cấp tỉnh

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã giữ mối quan hệ công tác với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan cấp tỉnh theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Luật Hoạt động giám sát của Quốc Hội và Hội đồng nhân dân.

2. Thường trực, các Ban Hội đồng nhân dân xã phối hợp và tạo điều kiện cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các cơ quan của Hội đồng nhân dân tỉnh khi về làm việc và công tác tại địa phương.

Điều 29. Quan hệ công tác với Đảng uỷ, Ban Thường vụ Đảng uỷ

1. Hội đồng nhân dân xã chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng uỷ, Ban Thường vụ Đảng uỷ đối với các hoạt động của Hội đồng nhân dân huyện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân báo cáo Ban Thường vụ Đảng uỷ chương trình, thời gian tổ chức kỳ họp Hội đồng nhân dân; báo cáo kết quả bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức vụ thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân; báo cáo kết quả lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với những người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu và những hoạt động quan trọng của Hội đồng nhân dân.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân báo cáo, xin chủ trương của Ban Thường vụ Đảng uỷ đối với những vấn đề lớn, quan trọng hoặc những vấn đề nhạy cảm, phức tạp dự kiến quyết định tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã. Kiến nghị với Đảng uỷ, Ban Thường vụ Đảng uỷ về những nội dung quan trọng cần lãnh đạo, chỉ đạo để bảo đảm thực hiện tốt nghị quyết của Đảng uỷ về phát triển kinh tế- xã hội và các nội dung liên quan đến công tác cán bộ.

Điều 30. Quan hệ công tác với Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh ứng cử tại địa phương

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã mời đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh ứng cử tại địa bàn xã tham dự các kỳ họp của Hội đồng nhân dân xã.

2. Hội đồng nhân dân xã cử đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã tham gia hoạt động tiếp xúc cử tri, hoạt động giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khi được mời.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân phối hợp với Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp nhận các ý kiến, kiến nghị của cử tri trong xã chuyển đến các cơ quan có thẩm quyền giải quyết; thông tin tới cử tri về nội dung trả lời, kết quả giải quyết của các cơ quan chức năng.

Điều 31. Quan hệ công tác với Ủy ban nhân dân

1. Ủy ban nhân dân là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân. Giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cùng lãnh đạo Ủy ban nhân dân chỉ đạo thực hiện các nghị quyết Hội đồng nhân dân đã ban hành; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn chuẩn bị các dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình kỳ họp tiếp theo của Hội đồng nhân dân xã.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân đôn đốc, kiểm tra, giám sát Ủy ban nhân dân trong việc tổ chức, triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân phân công các Ban của Hội đồng nhân dân tham gia phối hợp với Ủy ban nhân dân trong việc chuẩn bị dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình kỳ họp Hội đồng nhân dân.

4. Khi các Ban của Hội đồng nhân dân thực hiện giám sát theo lĩnh vực phụ trách, Ủy ban nhân dân, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân có

trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan và báo cáo, giải trình theo yêu cầu của Ban.

5. Thường trực Hội đồng nhân dân thống nhất với Ủy ban nhân dân để xem xét, giải quyết các vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân; trường hợp cần thiết, báo cáo hoặc trình Hội đồng nhân dân xã xem xét quyết định.

Điều 32. Quan hệ công tác với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

1. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã được mời tham dự các kỳ họp Hội đồng nhân dân. Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã có thể được mời tham gia các hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân xã.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã mời Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tham dự một số hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã để trao đổi thông tin, tăng cường mối quan hệ phối hợp và hiệu quả công tác.

2. Hội đồng nhân dân xã thực hiện chế độ gửi, thông báo nghị quyết của Hội đồng nhân dân đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã.

3. Hội đồng nhân dân tạo điều kiện để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vận động Nhân dân tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng chính quyền địa phương.

Hội đồng nhân dân có trách nhiệm lắng nghe, giải quyết và trả lời theo thẩm quyền các kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện về xây dựng chính quyền và phát triển kinh tế - xã hội của xã.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các cơ quan có liên quan tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân xã tiếp xúc cử tri, tiếp nhận ý kiến, kiến nghị của cử tri để báo cáo Hội đồng nhân dân và chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Chương VIII

ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 35. Điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân xã do Thường trực Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân quyết định trong dự toán ngân sách hằng năm của xã.

2. Chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã giúp Hội đồng nhân dân bảo đảm điều kiện hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

Điều 36. Chế độ khen thưởng

Đại biểu Hội đồng nhân dân xã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được xét khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng. Hồ sơ đề nghị khen thưởng do Tổ trưởng Tổ đại biểu đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân xã xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Chương IX **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 37. Tổ chức thực hiện

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân xã; Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Điều 38. Quy định về sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình thực hiện Quy chế nếu có nội dung chưa phù hợp thì sẽ được sửa đổi, bổ sung. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế do Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định./.